

## PHỤ LỤC

### Danh sách các sản phẩm đề nghị miễn trừ vụ việc AD08

#### ***1.1. Hàng hóa đề nghị miễn trừ thứ nhất bao gồm:***

- Tên gọi: ***Thép cán nguội có khả năng biến cứng do sấy (Bake-hardening steel)***
- Mục đích sử dụng: Sử dụng trong sản xuất các bộ phận thân, vỏ ô tô
- Mã HS: 7209.16.10, 7209.17.10, 7209.17.90, 7211.23.20
- Đặc tính vật lý:
  - + Ứng suất chảy dẻo: (Yield strength): 140 – 280 MPa
  - + Độ bền kéo: (Tensile strength): 270 – 410 MPa
  - + Độ giãn dài sau khi đứt: (Elongation after fracture):  $\geq 28\%$  với A80mm
- Thành phần hóa học: carbon:  $\leq 0,10\%$ ; phosphorus:  $\leq 0,035\%$ ; sulfur:  $\leq 0,035\%$ ; manganese:  $\leq 0,45\%$
- Tiêu chuẩn kỹ thuật: DIN EN 10130 hoặc tiêu chuẩn của VinFast: VFDST00005002
- Chất lượng: DC01, DC03

#### ***1.2. Hàng hóa đề nghị miễn trừ thứ hai***

- Tên gọi: ***Thép vi hợp kim (Micro-alloyed steel)***
- Mục đích sử dụng: Sử dụng để sản xuất các bộ phận thân, vỏ ô tô.
- Mã HS: 7209.16.10, 7209.16.90
- Đặc tính vật lý:
  - + Ứng suất chảy dẻo: (Yield strength): 300 – 520 MPa
  - + Độ bền kéo: (Tensile strength): 380 – 600 MPa
  - + Độ giãn dài sau khi đứt (Elongation after fracture):  $\geq 19\%$  với A50mm và  $\geq 17\%$  với A80mm

+ Chỉ số làm cứng cơ học: (Strain hardening coefficient):  $\geq 0,11$

- Thành phần hóa học: carbon  $\leq 0,12\%$ ; phosphorus  $\leq 0,030\%$ ; sulfur  $\leq 0,025\%$ ; manganese  $\leq 1,40\%$ ; Silicon:  $\leq 0,50$ ; Aluminum:  $\geq 0,015$ ; titanium:  $\leq 0,15$ ; copper:  $\leq 0,20$ ; niobium:  $\leq 0,09$ .

- Tiêu chuẩn kỹ thuật: VDA 239-100

- Tiêu chuẩn kỹ thuật của VinFast VFDST00005203

- Chất lượng: CR300LA, CR420LA

### ***1.3. Hàng hóa đề nghị miễn trừ thứ ba bao gồm:***

- Tên gọi: ***Thép hai pha (Dual phase steel)***

- Mục đích sử dụng: Sử dụng để sản xuất các bộ phận thân, vỏ ô tô.

- Mã HS: 7225.50.90

- Đặc tính vật lý:

+ Ứng suất chảy dẻo: (Yield strength): 330 – 550 MPa

+ Độ bền kéo: (Tensile strength): 590 – 900 MPa

+ Độ giãn dài sau khi đứt: (Elongation after fracture):  $\geq 15\%$  với A50mm và  $\geq 14\%$  với A80mm

+ Chỉ số làm cứng cơ học (Strain hardening coefficient):  $\geq 0,11$

- Thành phần hóa học: carbon:  $\leq 0,15$ ; phosphorus:  $\leq 0,05$ ; sulfur:  $\leq 0,01$ ; manganese:  $\leq 2,50$ ; silicon:  $\leq 0,08$ ; aluminum: 0,015 – 1,00; titanium + niobium:  $\leq 0,15$ ; copper:  $\leq 0,20$ ; chromium + molybdenum:  $\leq 1,40$ ; boron:  $\leq 0,005$

- Tiêu chuẩn kỹ thuật: - VDA 239-100

- Tiêu chuẩn kỹ thuật của VinFast VFDST00005207

- Chất lượng: CR330Y590T, CR440Y780T